TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**1000**/2020/KDTM-PT
Ngày: 26/10/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Ông **Lê Công Toại**
2. Bà **Phùng Thị Như Mai**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân**– Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 120/2020/KDTM-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 40/2020/KDTM-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4998/2020/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần TGN**

Trụ sở: Tổ 9, ấp TC, xã PT, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H (Văn bản ủy quyền số 40/2020-UQ ngày 01 tháng 6 năm 2020) (Có văn bản xin vắng mặt lập ngày 05/10/2020).

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần NT**

Trụ sở: 42/28 đường N, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn An D (Văn bản ủy quyền số 13/2019/GUQ ngày 13 tháng 8 năm 2019) (Có văn bản xin vắng mặt lập ngày 26/10/2020).

3. Người kháng cáo: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn là Công ty Cổ phần TGN(sau đây viết tắt là Công ty TGN) *và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TGN và Công ty Cổ phần NT (sau đây gọi tắt là Công ty NT) có ký các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 487/2015/HĐCCBTTS/TGN ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng số 89/2016/PL/TGN ngày 02/5/2016, phụ lục hợp đồng số 65/2017/PL/TGN ngày 24/4/2017 và phụ lục hợp đồng số 271/2017/PL/TGN ngày 08/6/2017. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty TGN sẽ cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty NT với khối lượng hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của Công ty NT tại công trình chung cư cao tầng MT, khu phố 4, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình Lô VI 19 KCN TB, đường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 764/2017/HĐKT/TGN ngày 01/6/2017 và Hợp đồng cung cấp cọc bê tông ly tâm số 696/2017/HĐKT/TGN ngày 19/9/9017. Nội dung hợp đồng: nguyên đơn cung cấp bê tông thương phẩm và bán cọc bê tông ly tâm cho bị đơn tại công trình WC, tọa lại tại 116 LCH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng: từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2018, nguyên đơn đã cung cấp bê tông thương phẩm với khối lượng hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bị đơn. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 58.914.329.960 đồng để bị đơn làm căn cứ thanh toán. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần tổng số tiền là 48.351.890.000 đồng còn nợ là 10.562.439.960 đồng nhưng không thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu 10.562.439.960 đồng.

- Yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán là 10.562.439.960 đồng x 7,35%/năm x 8 tháng 26 ngày = 573.628.510 đồng (Tiền lãi được tính theo mức lãi quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng (Agribank 4,90%/năm, Viettinbank 4,90%/năm, Vietcombank 4,90%/năm) : 3 x 150% = 7,35%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 18/9/2019 (ngày đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc tại Tòa án nhân dân Quận T) đến ngày 12/6/2020). Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 11.136.068.470 đồng. Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Công Ty NT thừa nhận trình bày của Công ty TGN về việc ký kết hợp đồng, quá trình giao dịch, trị giá hợp đồng, số tiền đã thanh toán. Bị đơn xác nhận đã nhận tất cả các hóa đơn giá trị gia tăng do Nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ thanh toán. Do gặp khó khăn tài chính nên bị đơn có chậm trả số tiền nợ gốc còn lại 10.562.439.960 đồng.

Ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn : do việc kinh doanh gặp khó khăn nên xin không trả lãi. Đối với nợ gốc: bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên

đơn trong 11 tháng, mỗi tháng trả 01 tỷ đồng, kỳ cuối trả 562.439.960 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2020.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 40/2020/KDTM-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn -Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng TGN: Buộc Công ty Cổ phần NT có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ Phần TGNtổng số tiền 11.136.068.470 đồng bao gồm tiền gốc 10.562.439.960 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 573.628.510 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần NT phải chịu án phí là 119.136.068 đồng.

Hoàn lại 60.328.219 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ Phần TGNtheo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038748 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cón tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/7/2020, Bị đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Bị đơn có yêu cầu xin vắng mặt.

*Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận T thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận T căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về việc vắng mặt của Nguyên đơn và Bị đơn: Do Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[3.1] *Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi khoản nợ tiền mua hàng:* Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 487/2015/HĐCCBTTS/TGN ngày 28/10/2015, số 764/2017/HĐKT/TGN ký ngày 01/6/2017, Hợp đồng cung cấp cọc bê tông ly tâm số 696/2017/HĐKT/TGN ngày 19/9/9017; Phụ lục hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 89/2016/PL/TGN ngày 02/5/2016, số 65/2017/PL/TGN ngày 24/4/2017, số 271/2017/PL/TGN ngày 08/6/2017; Văn bản về Kế hoạch trả nợ ngày 08/5/2019 của Công ty NT và xác nhận của hai bên trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án cấp sơ thẩm thì cơ sở xác định tính đến ngày 18/9/2019 thì khoản công nợ tiền mua hàng phát sinh từ các hợp đồng nêu trên mà Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là 10.562.439.960 đồng.

[3.2] *Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi tiền lãi*: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì được Bị đơn xác nhận từ ngày 08/5/2019, có cam kết trả nhưng vi phạm nghĩa vụ trả. Do vậy việc Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trên thị trường từ ngày 18/9/2019 đến ngày 12/6/2020 (8 tháng 26 ngày) là có lợi cho bị đơn và cũng phù hợp điều khoản thanh toán mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng và quyền yêu cầu lãi do chậm thanh toán được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Đối chiếu với quy định về mức lãi suất của các Ngân hàng : Agribank, Viettinbank và Vietcombank thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 7,35%/năm mà Nguyên đơn yêu cầu là không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ngân hàng. Do vậy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi 7,35%/năm của Nguyên đơn là có cơ sở. Cụ thể:

10.562.439.960 đồng x 7,35% x 8 tháng 26 ngày = 573.628.510 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để xác định Bản án sơ thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền 10.562.439.960 đồng là khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng nêu trên và tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 18/9/2019 đến ngày 12/6/2020 là 573.628.510 đồng là có căn cứ pháp luật, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Kháng cáo của Bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí : Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để quyết định về án phí như sau:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên phần án phí mà bản án sơ thẩm đã tuyên được giữ nguyên.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do tại hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi quá hạn nên căn cứ điểm a Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty NT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn- Công ty Cổ phần NT. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng TGN: Buộc Công ty Cổ phần NT phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần TGN tổng số tiền 11.136.068.470 (Mười một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi) đồng bao gồm tiền gốc

10.562.439.960 (Mười tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 573.628.510 (Năm trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn năm trăm mười) đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần NT phải chịu án phí là 119.136.068 (Một trăm mười chín triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Hoàn lại 60.328.219 (Sáu mươi triệu ba trăm hai mươi tám ngàn hai trăm mười chín) đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ Phần TGN theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038748 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T.

2.2.Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần NT phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0016634 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần NT đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần NT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Thủy